



Thứ sáu, ngày 9 tháng 11 năm 2018

Vietnam Daily Review

Áp lực bán

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/11/2018		•	
Week 12/11-16/11/2018		•	
Tháng 11/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động giảm ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số giảm mạnh.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+1.35 điểm); BVH (+0.32 điểm); NVL (+0.31 điểm); HNG (+0.16 điểm); NT2 (+0.04 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-3.04 điểm); VNM (-1.63 điểm); VCB (-1.57 điểm); PLX (-0.96 điểm); HPG (-0.86 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu cao su và dịch vụ, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2,654.4 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 4.17 điểm. Thị trường có 91 mã tăng và 190 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 11.99 điểm, đóng cửa tại 914.29 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 1.53 điểm xuống 103.01 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 160.85 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (44.92 tỷ), MSN (33.17 tỷ) và VRE (19.73 tỷ). Tuy nhiên, họ đã bán ròng 15.9 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index rung lắc và giảm điểm. Lực bán xuất hiện ở nhóm cổ phiếu ngân hàng: VCB, TCB, BID, CTG và một số cổ phiếu bluechips: GAS, VNM, HPG và MSN. Đến phiên chiều, chỉ số VN-Index tiếp tục giảm điểm. Lực mua tập trung ở một số cổ phiếu: VHM, BVH, NVL và HNG. Khối ngoại hôm nay đẩy mạnh mua ròng. Theo quan điểm BSC, thị trường trong nước có một phiên giảm điểm do tâm lý các nhà đầu tư và các thị trường khu vực bị ảnh hưởng từ việc Fed có khả năng cao tăng lãi suất trong tháng 12 và một số lo ngại về chiến tranh thương mại.

Phân tích kỹ thuật:

VNM_Xu hướng giảm

(Vui lòng tải và xem trang 2)

Câu chuyện cuối tuần

NGHỆ THUẬT ĐƯỢC TẶNG QUÀ

(Vui lòng tải và xem trang 3)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 914.29

Giá trị: 2654.4 tỷ **-11.99 (-1.29%)**

Khối ngoại (ròng): 160.85 tỷ

HNX-INDEX 103.01

Giá trị: 412 tỷ **-1.53 (-1.46%)**

Khối ngoại (ròng): -15.9 tỷ

UPCOM-INDEX 51.59

Giá trị: 191.5 tỷ **-0.42 (-0.81%)**

Khối ngoại (ròng): 4.82 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	60.2	-0.71%
Giá vàng	1,221	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,304	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,433	-0.25%
Tỷ giá JPY/VND	20,458	0.14%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	44.9	VIC	22.5
MSN	33.2	PLX	8.5
VRE	19.7	GAS	5.1
SBT	15.4	HSG	4.5
VHM	15.4	DHC	3.2

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Câu chuyện cuối tuần	Trang 3
Danh mục khuyến nghị	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

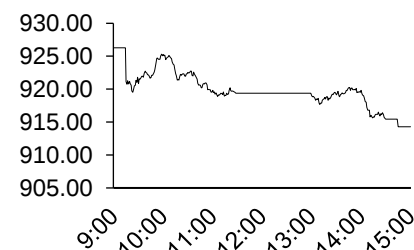
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Lê Quốc Trung

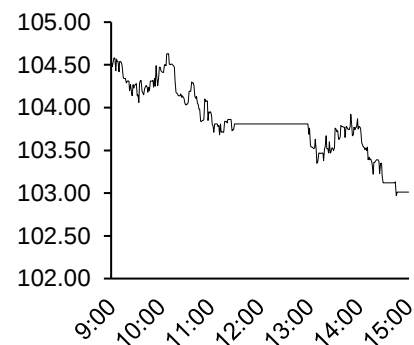
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1811	880.0	-1.5%	11.4%
VN30F1812	880.0	-1.6%	108.9%
VN30F1903	881.0	-1.6%	-44.8%
VN30F1906	881.0	-1.8%	-44.3%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	70	1.6	0.6
SBT	22	0.2	0.0
CII	25	0.2	0.0
KDC	26	0.0	0.0
SAB	226	0.0	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	38	-3	-2.6
VNM	117	-3	-2.2
MWG	106	-4	-1.3
VJC	131	-2	-1.0
VPB	20	-2	-1.0

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
HPG	9.4	37.6	36	40	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
PVS	3.9	17.8	15	20	NGỪNG MUA	Điều chỉnh trong trung hạn
ACB	3.8	28.7	28	31	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
VNM	3.7	117.0	112	140	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
CTG	3.1	22.6	22	28	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
SBT	2.9	22.4	20	23	MUA	Tăng giá kéo dài
ROS	2.8	37.1	35	39	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
VJC	2.8	130.9	121	154	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
SVI	2.8	50.0	43	53	MUA	Tăng giá kéo dài
HDB	2.7	32.8	32	40	MUA	Giảm giá kéo dài

Phân tích kỹ thuật

VNM_Xu hướng giảm

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá dài hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Tạo phân kỳ
- Chỉ báo RSI: Chạm Bollinger trên
- MA: MA20 nằm dưới MA50 và MA100

Nhận định: VNM là công ty dẫn đầu ngành Sữa Việt Nam. Hiện tại VNM đang trong xu hướng giảm giá dài hạn thể hiện qua giá cổ phiếu liên tục tạo những đỉnh mới thấp hơn đỉnh cũ và đáy mới thấp hơn đáy cũ. Chỉ báo RSI chạm đường Bollinger phía trên. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch trong đợt giảm giá này vẫn đang duy trì, kết hợp với những tín hiệu phân kỳ đảo chiều liên tục từ chỉ báo MACD cho thấy nếu giá phá lên vùng kháng cự tại mức giá 122 thì nhiều khả năng VNM sẽ tăng giá trở lại trong trung hạn.



Câu chuyện cuối tuần

NGHỆ THUẬT ĐƯỢC TẶNG QUÀ

_Nguồn: Sưu tầm

Hai cô nàng tóc vàng hoe buôn chuyện thích được tặng quà...

- Lần trước mình nói với bạn trai rằng con gái rất thích giữ gìn các món đồ được tặng. Kết quả là hôm sau mình được tặng một chiếc nhẫn kim cương. Cậu thử học cách này xem sao?

- Cách này tớ dùng rồi. Kết quả là hôm sau tớ được tặng chất bảo quản.

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	31.20	-4.6%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	12.90	2.4%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	59.70	-6.7%	58.9	73.6
Trung bình					-3.0%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	20.90	51.4%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	37.60	47.6%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	54.00	28.9%	39.8	60.0
Trung bình					42.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.0	53.2%	17.0	22.7
2	TCB	31/10/2018	26.9	26.4	-2.0%	25.0	30.0
Trung bình					25.6%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	106.0	-3.6%	0.7	1,488	2.2	8,641	12.3	4.2	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	94.0	-2.8%	1.0	663	1.6	5,428	17.3	4.5	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	95.7	1.6%	1.3	2,916	0.2	1,728	55.4	4.6	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	31.8	-0.3%	0.8	320	0.0	2,265	14.0	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	95.9	-0.1%	1.0	13,308	2.5	1,366	70.2	5.6	9.8%	10.3%	
VRE	Bất động sản	30.9	-0.5%	1.1	3,124	2.2	646	47.8	2.8	31.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	70.1	1.6%	0.8	2,766	0.5	2,368	29.6	3.7	7.8%	14.2%	
REE	Bất động sản	31.2	-1.4%	1.1	421	0.3	5,068	6.2	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	25.0	-3.7%	1.5	380	1.2	3,042	8.2	1.9	47.1%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	27.8	-3.0%	1.3	603	1.9	2,899	9.6	1.5	57.5%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	52.7	-2.4%	1.0	373	0.1	4,289	12.3	2.8	41.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	54.0	-2.0%	1.4	304	0.2	6,094	8.9	2.3	62.0%	27.8%	
FPT	Công nghệ	41.3	-2.1%	0.9	1,100	1.1	5,322	7.8	2.1	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	51.5	1.0%	0.4	506	0.0	3,453	14.9	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	95.0	-5.1%	1.5	7,905	2.9	6,473	14.7	4.3	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	57.0	-4.0%	1.5	2,872	1.6	3,285	17.4	3.4	11.0%	19.5%	
PVS	Dầu khí	17.8	-4.8%	1.8	370	3.9	1,747	10.2	0.8	20.6%	7.8%	
BSR	Dầu khí	15.6	-3.7%	0.8	2,103	1.2	#N/A	N/A	N/A	N/A	35.6%	23.0%
DHG	Dược	84.8	-0.7%	0.5	482	0.4	4,037	21.0	3.8	49.3%	18.3%	
DPM	Hóa chất	18.5	-1.6%	0.9	314	0.2	1,492	12.4	0.9	21.1%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.6	-0.6%	0.7	220	0.1	997	9.6	0.8	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	54.3	-2.5%	1.3	8,494	2.1	3,360	16.2	3.2	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	31.7	-2.3%	1.7	4,712	2.5	2,401	13.2	2.1	2.8%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	22.6	-2.6%	1.6	3,659	3.1	2,064	10.9	1.2	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	20.4	-1.7%	1.2	2,174	2.0	2,820	7.2	1.7	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	20.9	-2.3%	1.2	1,963	4.1	2,366	8.8	1.4	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	28.7	-2.4%	1.2	1,556	3.8	3,498	8.2	1.8	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	56.7	-0.5%	0.9	202	0.1	5,586	10.2	1.9	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	42.2	0.0%	0.4	164	0.0	3,938	10.7	1.8	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	21.0	-2.8%	1.2	821	0.1	229	91.8	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	37.6	-3.3%	0.9	3,472	9.4	4,334	8.7	2.1	39.5%	26.7%	
HSG	Thép	8.3	-4.7%	1.4	138	1.2	1,065	7.8	0.6	17.4%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	117.0	-2.5%	0.6	8,859	3.7	4,997	23.4	8.0	58.8%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	225.9	0.0%	0.8	6,298	0.3	6,902	32.7	8.7	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	84.3	-0.2%	1.2	4,263	2.1	5,416	15.6	5.0	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	22.4	0.2%	0.7	481	2.9	869	25.7	1.8	9.7%	11.3%	
ACV	Vận tải	80.4	-0.1%	0.8	7,610	0.1	1,883	42.7	6.4	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	130.9	-1.8%	1.1	3,082	2.8	9,463	13.8	6.7	23.8%	67.1%	
HVN	Vận tải	33.6	1.5%	1.7	1,824	1.0	1,727	19.5	2.7	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.7	-1.8%	0.9	358	1.0	6,311	4.4	1.4	46.0%	30.8%	
PVT	Vận tải	17.0	-1.7%	0.8	208	0.0	2,165	7.9	1.3	34.4%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	-0.3%	1.0	522	1.2	5,620	13.3	4.3	2.6%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.9	-0.6%	1.0	310	0.6	1,179	13.5	1.2	24.8%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	12.9	-1.5%	0.8	214	0.1	1,599	8.1	1.0	5.0%	12.2%	
CTD	Xây dựng	149.9	-1.4%	0.8	510	0.3	20,202	7.4	1.5	44.4%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.8	-2.6%	1.3	361	0.7	2,384	7.9	1.3	10.9%	17.6%	
CII	Xây dựng	25.2	0.2%	0.6	268	0.5	332	75.7	1.2	54.6%	1.7%	
POW	Điện	13.8	-4.2%	0.6	1,405	0.5	1,026	13.5	1.2	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	25.5	1.8%	0.7	319	0.2	2,874	8.9	2.0	21.6%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	76.00	1.74	1.36	520370.00
BVH	95.70	1.59	0.33	51740.00
NVL	70.10	1.59	0.31	154360.00
HNG	16.35	4.47	0.17	2.89MLN
NT2	25.45	1.80	0.04	182810.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	110.00	10.00	0.09	100.00
DL1	32.90	2.81	0.05	1100.00
OCH	6.20	6.90	0.04	100.00
TVC	12.40	5.08	0.02	271700.00
L14	37.20	3.05	0.01	88800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	95.00	-5.09	-3.05	681560.00
VNM	117.00	-2.50	-1.63	728150.00
VCB	54.30	-2.51	-1.57	885690.00
PLX	57.00	-4.04	-0.97	630020.00
HPG	37.60	-3.34	-0.86	5.71MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.70	-2.38	-0.88	2.98MLN
PVS	17.80	-4.81	-0.22	4.89MLN
SHB	7.50	-1.32	-0.11	4.78MLN
PGS	32.00	-5.88	-0.07	600.00
SHS	13.70	-3.52	-0.05	832100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACL	34.50	6.98	0.02	80990.00
VNL	17.90	6.87	0.00	10.00
CMX	14.05	6.84	0.00	405220.00
SVI	50.00	6.84	0.01	1.29MLN
AGM	11.75	6.82	0.00	8990.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.30	50.00	0.00	181600.00
DPS	0.80	14.29	0.00	113400.00
BST	35.20	10.00	0.00	100.00
HHC	110.00	10.00	0.09	100.00
HKB	1.10	10.00	0.00	124800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNT	2.53	-6.99	0.00	234420.00
UDC	6.00	-6.98	-0.01	118060.00
HOT	27.65	-6.90	-0.01	1010.00
CTF	23.30	-6.80	-0.01	40.00
CLG	2.75	-6.78	0.00	27310.00

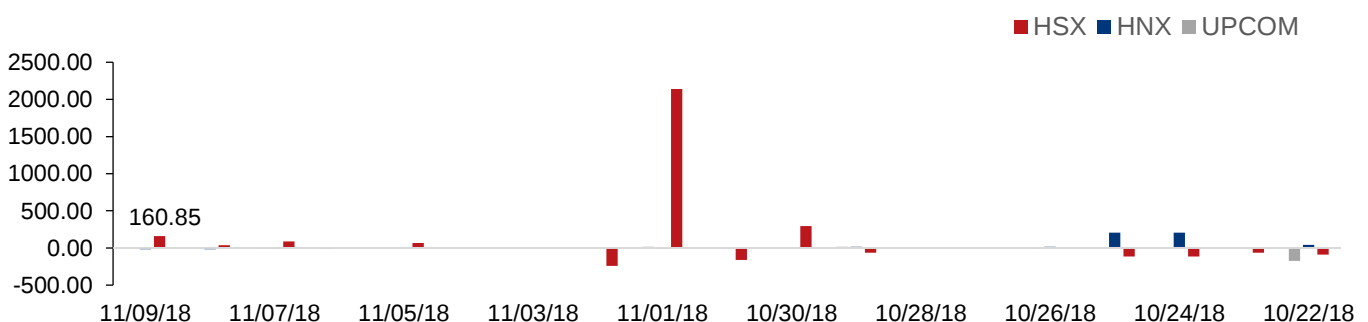
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ARM	52.20	-10.00	-0.01	500.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	50000.00
HAT	38.30	-9.88	-0.01	6600.00
SGH	40.40	-9.82	-0.01	100.00
SJE	26.80	-9.76	-0.02	300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.2	157	96.7	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.5	2,874	8.9	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.7	1,102	12.4	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.0	-2,092	#N/A N/A	2.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	28.7	3,498	8.2	1.8	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	39.7	5,746	6.9	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	14.2	1,087	13.1	1.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.0	2,165	7.9	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	37.6	4,334	8.7	2.1	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	25.0	3,042	8.2	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	17.4	3,200	5.4	1.2	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	30.0	5,796	5.2	1.7	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	41.3	5,322	7.8	2.1	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	54.3	3,360	16.2	3.2	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	17.8	1,747	10.2	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	20.9	2,366	8.8	1.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	149.9	20,202	7.4	1.5	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.4	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	87.4	18,132	4.8	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	94.0	5,428	17.3	4.5	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

